

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thương.

Thư ký phiên họp: Bà Đỗ Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 219/2024/TLST-VLĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 106/2024/QĐST-LĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc lao động:* Nguyễn Thị T, sinh năm 1981; thường trú: Làng Đ, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An; địa chỉ liên hệ: số B, đường N, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Công ty TNHH B; địa chỉ: Số G T, Khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1983; thường trú: Xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường T, Trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T2, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Từ tháng 01/2003 đến nay, bà T có làm việc tại Công ty TNHH Q, địa chỉ: số A đường T, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương và có đóng bảo hiểm xã hội số 9103031658. Nay, bà T tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà T bị trùng. Lý do bị trùng bảo hiểm: Em gái của bà T – Nguyễn Thị T1 (sử dụng thông tin của bà T – Nguyễn Thị T) giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH B khoản từ tháng 11/2004 đến tháng 11/2009.

Cùng thời gian đó, bà T giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Q đến nay. Do đó, bà T bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 11/2004 đến tháng 11/2009 tương đương với thời gian bà T1 mượn hồ sơ lao động của bà T. Vào thời điểm năm 2004, bà T1 chưa đủ 18 tuổi nên không đủ điều kiện để ứng tuyển lao động. Bà T và bà T1 là chị em họ với nhau nên mới hỗ trợ bà T1 mượn thông tin cá nhân làm hồ sơ lao động. Vì cả hai không hiểu biết về pháp luật, chỉ nghĩ đến cách tìm kế sinh nhai nên mới để lại hậu quả pháp lý như ngày hôm nay.

Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị T và Công ty TNHH B (thời gian làm việc từ tháng 11/2004 đến tháng 11/2009) là vô hiệu. Ngoài ra, bà T không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu cũng như không có yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Bà T1 và bà Nguyễn Thị T là chị em với nhau. Khoảng năm 2004 bà T1 chưa làm chứng minh nhân dân và chưa đủ tuổi để đi xin việc, do hoàn cảnh nhà nghèo, buộc phải kiếm tiền phụ giúp gia đình nên bà T1 đã sử dụng thông tin của bà T để vào làm việc tại Công ty TNHH B và giao kết hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm xã hội trong khoảng thời gian từ tháng 11/2004 đến tháng 11/2009.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi của bà T, bà T1 đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An tuyên bố Hợp đồng lao động (từ tháng 11/2004 đến tháng 11/2009) giữa bà Nguyễn Thị T và Công ty TNHH B vô hiệu. Ngoài ra, bà T1 không có yêu cầu gì trong vụ việc này.

- Ông Dương Văn T2 là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương (viết tắt là BHXH) trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH B cho người lao động thì Công ty TNHH B có tham gia BHXH, BHYT, BHTN với số sổ 9104154506 cho bà Nguyễn Thị Thủy s năm 1981, số căn cước công dân 040184016166, số CMND 186066317 từ tháng 11/2004 đến tháng 11/2009 chưa nhận trợ cấp BHXH.

- Ngoài ra bà Nguyễn Thị T còn có số BHXH số: 9103031658 từ tháng 01/2003 đến tháng 06/2018 có quá trình tham gia tại Công ty TNHH Q

Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thị T, BHXH không có

lưu trữ những hồ sơ này.

Về các yêu cầu khác của bà Nguyễn Thị T, Bảo hiểm xã hội thành phố D không có ý kiến.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH B:* Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý việc lao động bằng phương thức thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Công ty TNHH B để làm việc, lấy lời khai; cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động nhưng Công ty TNHH B vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Công ty TNHH B cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị T.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và người yêu cầu bà Nguyễn Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1, Bảo hiểm xã hội thành phố D đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự là hợp lệ. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Nguyễn Thị T là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người yêu cầu bà Nguyễn Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1, Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Quá trình tố tụng người yêu cầu bà Nguyễn Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 và Bảo hiểm xã hội thành phố D thống nhất trình bày: Trong thời gian từ tháng 11/2004 đến tháng 11/2009, người lao động tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1981, chứng minh nhân dân số 186066317 được Công ty TNHH B tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số 9104154506 dựa trên hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH B và bà T trong thời gian từ tháng 11/2004 đến tháng 11/2009, hai bên ký kết hợp đồng lao động. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị T1 thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH B và thực tế làm việc tại Công ty TNHH B trong khoảng thời gian từ tháng 11/2004 đến tháng 11/2009 theo hợp đồng lao động là bà Nguyễn Thị T1 chứ không phải bà Nguyễn Thị T do bà T1 mượn chứng minh nhân dân, giấy tờ của bà T để đi làm việc. Đối với bà T trong thời gian này đang thực tế làm việc tại Công ty TNHH Q. Do bà T1 chưa đủ tuổi nên bà T đã cho bà T1 mượn chứng minh nhân dân để đi làm việc. Trình bày của bà T và bà T1 phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 01/2003 đến tháng 06/2018 có quá trình tham gia tại Công ty TNHH Q. Xét, việc bà T1 lấy tên bà T để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí,

hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố D cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị T bị trùng từ tháng 11/2004 đến tháng 11/2009. Do đó, bà T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH B với bà Nguyễn Thị T từ tháng 11/2004 đến tháng 11/2009 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ các Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;
- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị T.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị T với Công ty TNHH B thời gian làm việc từ tháng 11/2004 đến tháng 11/2009 bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2/ Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0001478 ngày 21/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3/ Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định

giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4/ Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA DS TP.Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Thương